

VAI TRÒ CỦA GIÁO VIÊN TRONG VIỆC THÚC ĐẨY ĐỘNG CƠ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

TRẦN THỊ OANH

Khoa Ngoại ngữ, Đại học Bách khoa Hà Nội

Nhận bài ngày 05/7/2026. Sửa chữa xong 10/8/2026. Duyệt đăng 14/8/2026.

Abstract

Motivation is one of the key factors in successful teaching and learning. While learners may have an intrinsic desire to learn, their motivation is also greatly influenced by external factors, especially teachers. As facilitators of learning, teachers play a vital role in creating a positive and engaging learning environment that encourages learners to participate actively and achieve better learning outcomes. Although teachers cannot control every aspect of learner motivation, they can use various teaching strategies to stimulate, maintain and enhance learner motivation. Therefore, this paper provides an overview of learner motivation, its main types, the transformation of teachers' role in education and recommendations for teachers in promoting learner motivation in the learning process.

Keywords: The role of teachers, transformation, learner motivation, promote learner motivation, recommendations.

1. Đặt vấn đề

Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến quá trình và kết quả học tập của người học, trong đó động cơ học tập (ĐCHT) được xem là một trong những yếu tố quan trọng nhất. ĐCHT có thể xuất phát từ bên trong người học khi họ có mong muốn khám phá tri thức, phát triển bản thân và đạt được các mục tiêu học tập. Bên cạnh đó, ĐCHT cũng chịu tác động của nhiều yếu tố bên ngoài như phần thưởng, điểm số, sự ghi nhận, môi trường học tập và đặc biệt là giáo viên (GV). Trong quá trình dạy học, GV giữ vai trò quan trọng trong việc tạo dựng môi trường học tập tích cực nhằm thúc đẩy ĐCHT. Mặc dù GV không thể kiểm soát hết quá trình học tập của người học, họ có thể vận dụng nhiều chiến lược giảng dạy để khơi dậy, duy trì và thúc đẩy ĐCHT của người học. Vì vậy, để giúp GV hiểu rõ hơn về ĐCHT và nhận thức được vai trò của mình, bài báo trình bày khái niệm về ĐCHT, một số loại ĐCHT, vai trò của GV trong giáo dục cũng như trong việc thúc đẩy ĐCHT và một số khuyến nghị dành cho GV, giúp họ vận dụng hiệu quả các chiến lược để tạo ĐCHT cho người học trong quá trình giảng dạy.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Động cơ học tập

2.1.1. Khái niệm động cơ học tập

Động cơ học tập được biết đến với một số định nghĩa khác nhau. Theo Theobald (2006), khái niệm về động cơ được hiểu là mong muốn tự có của người học muốn được tham gia vào hoạt động học tập nhằm thỏa mãn được mong muốn đó. Alexenoamen (2009) lại có quan niệm khác về ĐCHT khi cho rằng mục tiêu chính là động cơ giúp khơi dậy và định hướng người học để đạt được mục tiêu đó. Khi người học được tạo động cơ, họ sẽ cố gắng đạt được mục tiêu do chính họ cũng như GV đặt ra. Nhìn chung ĐCHT đóng vai trò quan trọng trong quá trình giảng dạy, học tập và có những ảnh hưởng nhất định tới người học.

Email: oanh.tranthi@hust.edu.vn

2.1.2. Một số loại động cơ học tập

a. Động cơ hòa nhập cộng đồng và động cơ mang tính phương tiện

Theo Gardner và Lambert (1972), ĐCHT gồm hai loại chính: động cơ hòa nhập cộng đồng (integrative motivation) và động cơ mang tính phương tiện (instrumental motivation). Động cơ hòa nhập cộng đồng thể hiện mong muốn của người học được giao tiếp, hòa nhập với cộng đồng và tìm hiểu văn hóa của họ. Trong khi đó, động cơ mang tính phương tiện xuất phát từ những mục tiêu thực tiễn như học tập, nghề nghiệp hoặc lợi ích kinh tế. Cả hai loại động cơ đều có ảnh hưởng tích cực đến quá trình học tập.

b. Động cơ bên trong và động cơ bên ngoài

Ryan và Deci (2000) đưa ra một cách phân loại động cơ khác, bao gồm động cơ bên trong (intrinsic motivation) và động cơ bên ngoài (extrinsic motivation). Động cơ bên trong là khi người học có mong muốn và cảm thấy hứng thú thực sự với việc học, bởi bản thân các hoạt động học tập mang lại sự hấp dẫn, thú vị và thỏa mãn cá nhân. Người học tham gia vào quá trình học không vì phần thưởng hay áp lực bên ngoài mà vì họ yêu thích việc học và coi đó là một trải nghiệm có giá trị. Ngược lại, động cơ bên ngoài xuất phát từ những yếu tố bên ngoài quá trình học. Người học cố gắng học tập để đạt được những mục tiêu như điểm số cao, thành tích trong các kỳ thi, nhận phần thưởng, được khen ngợi từ GV hoặc cha mẹ hoặc để tránh hình phạt hay sự khiển trách. Mặc dù hai loại ĐCHT này có nguồn gốc khác nhau, chúng không hoàn toàn tách biệt mà có thể hỗ trợ lẫn nhau. Trong thực tế, người học thường chịu ảnh hưởng đồng thời từ cả hai loại động cơ trong suốt quá trình học tập.

c. Động cơ hòa nhập toàn cầu và hoàn thành nhiệm vụ

Theo Brown (2007), ĐCHT còn bao gồm động cơ hòa nhập toàn cầu (global motivation) và động cơ hoàn thành nhiệm vụ (task motivation). Động cơ hòa nhập toàn cầu phản ánh mong muốn hội nhập với cộng đồng quốc tế, trong khi động cơ hoàn thành nhiệm vụ liên quan đến sự sẵn sàng tham gia và hoàn thành các hoạt động học tập cụ thể. Vì vậy, GV cần thiết kế các hoạt động phù hợp với nhu cầu và hứng thú của người học nhằm khơi dậy và duy trì ĐCHT.

2.2. Vai trò của giáo viên trong giáo dục

2.2.1. Vai trò của giáo viên trong môi trường giáo dục truyền thống

Trong lớp học truyền thống, GV được xem là trung tâm của quá trình dạy học. Theo Zhang (2024), vai trò nổi bật nhất của GV là người truyền thụ kiến thức, là nguồn cung cấp tri thức chủ yếu, trực tiếp hướng dẫn, đánh giá kết quả học tập và quản lý các hoạt động học tập. Vì thế, người học chủ yếu tiếp nhận kiến thức theo hướng một chiều trong khi GV giữ vai trò quyết định trong việc lựa chọn nội dung, phương pháp và tiến trình giảng dạy. Với cách tiếp cận này, việc tiếp thu kiến thức thường được ưu tiên hơn việc phát triển năng lực khác như: giao tiếp, tư duy phản biện hay khả năng tự học của người học. Điều này cho thấy mô hình giáo dục truyền thống tuy có vai trò quan trọng trong việc xây dựng nền tảng kiến thức nhưng chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của môi trường học tập hiện đại, nơi người học cần được phát huy tính chủ động, sáng tạo và khả năng tự chủ trong học tập.

2.2.2. Vai trò của giáo viên trong môi trường giáo dục hiện đại

Trong môi trường giáo dục truyền thống, GV chưa tạo điều kiện để người học tham gia tích cực vào quá trình học tập. Người học chưa chủ động khám phá và kiến tạo tri thức cũng như chưa chú trọng phát triển tinh thần hợp tác, năng lực tìm tòi và kỹ năng giải quyết vấn đề. Những hạn chế này khiến người học dễ phụ thuộc vào GV, ít có cơ hội phát triển tư duy phản biện, giảm khả năng tự điều chỉnh việc học cũng như trách nhiệm đối với quá trình học tập của bản thân.

Trong môi trường giáo dục hiện đại, những thay đổi trong triết lý giáo dục, đặc biệt dưới ảnh hưởng của quan điểm kiến tạo và phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm đã dẫn đến sự chuyển dịch đáng kể trong vai trò của GV. Mierson & Freiert (2004) cho rằng thay vì là người truyền đạt tri thức và kiểm soát toàn bộ quá trình học tập, GV ngày càng được xem là người hỗ trợ, hướng dẫn, huấn luyện và đồng hành, tạo điều kiện để người học chủ động tham gia vào quá trình kiến tạo tri thức. Sự chuyển

đổi này phản ánh xu hướng giáo dục hiện đại, trong đó người học giữ vai trò trung tâm của quá trình học tập, còn GV tập trung vào việc tạo lập các điều kiện giúp người học học tập hiệu quả.

Với vai trò là người hỗ trợ học tập, GV không chỉ cung cấp kiến thức mà còn thiết kế các hoạt động học tập, khuyến khích người học đặt câu hỏi, phản biện và khám phá tri thức thông qua quá trình tự trải nghiệm của chính mình. Theo Mierson & Freiert (2004), GV cần định hướng và khuyến khích người học suy ngẫm một cách phản biện thay vì chỉ cung cấp câu trả lời. Đồng thời, GV cần tạo ra môi trường học tập tích cực bằng cách cung cấp sự hỗ trợ phù hợp, tránh những phản hồi mang tính chỉ trích và khuyến khích người học mạnh dạn bày tỏ ý kiến cũng như chấp nhận sai sót như một phần tự nhiên của quá trình học tập.

Có thể thấy rằng sự chuyển dịch từ vai trò truyền thụ tri thức sang vai trò hỗ trợ học tập không chỉ làm thay đổi cách thức tổ chức hoạt động dạy học mà còn góp phần gia tăng mức độ tham gia của người học, phát triển năng lực tự học, tư duy phản biện và khả năng tự điều chỉnh việc học. Đây cũng là nền tảng quan trọng để GV thực hiện vai trò thúc đẩy ĐCHT của người học trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

2.3. Vai trò của giáo viên trong việc nâng cao động cơ học tập của người học

2.3.1. Tạo môi trường giúp người học phát huy tính tự chủ trong học tập

Theo Schuitema et al. (2016), GV giữ vai trò then chốt trong việc xây dựng môi trường học tập, tạo điều kiện để người học phát huy tính tự chủ trong quá trình học tập. GV giúp người học nhận thức rõ hơn về bản thân, sở thích và giá trị của mình thông qua việc trao cho họ quyền lựa chọn trong các hoạt động học tập. Đồng thời, bằng việc tôn trọng và khuyến khích các lựa chọn cũng như sở thích của người học, GV tạo điều kiện để họ phát triển hứng thú cá nhân, chủ động tham gia và làm chủ quá trình học tập, hiểu rõ ý nghĩa của các hoạt động học tập cũng như tự hào về những thành quả đạt được. Bên cạnh đó, GV có thể tăng cường tính tự chủ của người học bằng cách giao nhiều trách nhiệm hơn và khuyến khích họ tham gia tích cực vào quá trình học tập, chẳng hạn như tự xác định các mục tiêu học tập ngắn hạn hoặc dài hạn và theo dõi, báo cáo tiến độ thực hiện các mục tiêu đó. Khi được trao quyền tự chủ, người học có cơ hội lựa chọn nội dung, cách thức và phương pháp học tập phù hợp với nhu cầu và sở thích của bản thân. Điều này góp phần nâng cao hứng thú, tạo ĐCHT cũng như sự chủ động của người học trong quá trình học tập.

2.3.2. Giúp người học nhận thấy sự phù hợp và tính hữu ích của việc học

Khi nội dung và các hoạt động học tập gần gũi, phù hợp với nhu cầu và mang lại giá trị thiết thực cho người học, quá trình học tập sẽ trở nên hiệu quả và có ý nghĩa hơn. Vì vậy, GV cần lựa chọn nội dung cũng như thiết kế các hoạt động học tập đáp ứng những tiêu chí này nhằm hỗ trợ và tạo ĐCHT cho người học. Theo Thooen et al. (2011), trong quá trình dạy học, GV nên thiết kế các hoạt động với chủ đề gần gũi, quen thuộc với người học, đồng thời sử dụng công nghệ và phương pháp giảng dạy phù hợp với đặc điểm của hoạt động và đối tượng người học. Khi được tham gia các hoạt động phù hợp về chủ đề, mức độ khó và cách thức thực hiện, đồng thời nhận thấy giá trị và tính hữu ích của những hoạt động đó đối với việc học cũng như công việc và cuộc sống sau này người học sẽ có động cơ và hứng thú học tập cao hơn. Khi nhận thấy sự kết nối, tính ứng dụng và ý nghĩa của các hoạt động học tập đối với thực tiễn, người học sẽ có xu hướng hứng thú, nỗ lực và kiên trì hơn trong việc hoàn thành các mục tiêu học tập. Chẳng hạn, khi người học nhận thức được giá trị của những kiến thức trong giáo trình đối với việc học, công việc và cuộc sống, họ sẽ có ĐCHT mạnh mẽ hơn để đạt được kết quả học tập tốt và hướng tới thành công trong tương lai.

2.3.3. Tạo dựng mối quan hệ tích cực với người học

Khi đề cập đến mối quan hệ giữa người dạy và người học, Ferlazzo (2018) cho rằng GV xây dựng được mối quan hệ tích cực với người học sẽ có ảnh hưởng tích cực đến ĐCHT của họ. Tuy nhiên, việc hình thành niềm tin và xây dựng mối quan hệ tích cực là một quá trình lâu dài, đòi hỏi thời gian và sự nỗ

lực từ phía GV. Để tạo dựng niềm tin, GV cần có thái độ cởi mở, sẵn sàng chia sẻ với người học về những thành công, thất bại, khó khăn cũng như những kinh nghiệm của bản thân trong học tập và cuộc sống. Những chia sẻ này góp phần tạo nên sự gắn gũi, tăng cường sự tin tưởng và từng bước xây dựng mối quan hệ tích cực giữa người dạy và người học. Bên cạnh đó, để duy trì và phát triển mối quan hệ này, GV cần thể hiện sự chân thành, quan tâm đến việc học cũng như những khó khăn mà người học gặp phải trong học tập và cuộc sống. Sự tin tưởng và mối quan hệ tích cực được xây dựng từ cả hai phía sẽ góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy ĐCHT của người học.

2.3.4. Cung cấp phản hồi tích cực cho người học

Trong quá trình dạy học, GV có thể thúc đẩy ĐCHT của người học thông qua việc cung cấp những phản hồi tích cực và mang tính xây dựng. Theo Ferlazzo (2018), những nhận xét tích cực giúp người học tự đánh giá quá trình học tập, theo dõi sự tiến bộ của bản thân và từ đó hình thành niềm tin vào năng lực của mình. Vì vậy, GV nên ghi nhận và khen ngợi sự nỗ lực, cố gắng của người học, đồng thời giúp họ nhận thức rằng sự chăm chỉ và kiên trì là những yếu tố quan trọng để hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập. Bên cạnh đó, nhằm khuyến khích và phát huy tối đa năng lực của người học, GV có thể áp dụng một số hình thức phản hồi như chỉ ra lỗi sai cùng nguyên nhân và cách khắc phục, giúp người học nhận diện những điểm mạnh và điểm cần cải thiện của bản thân, đồng thời tập trung ghi nhận những tiến bộ và kết quả tích cực mà họ đạt được. Khi người học nhận thấy những nỗ lực của mình được GV ghi nhận và những thành quả đạt được được đánh giá tích cực, họ sẽ có thêm động cơ, sự tự tin và hứng thú để tiếp tục học tập.

2.3.5. Thể hiện sự hứng thú và nhiệt tình trong giảng dạy

Theo Zhang (2014), GV có niềm yêu thích đối với môn học, thể hiện sự nhiệt tình trong giảng dạy và luôn tràn đầy năng lượng trong các hoạt động dạy học cả trong và ngoài lớp sẽ tạo ra những ảnh hưởng tích cực đến người học. Trong quá trình học tập, người học thường quan sát cách GV giảng dạy, giao tiếp và thể hiện thái độ đối với môn học. Khi GV thể hiện niềm yêu thích đối với môn học và duy trì thái độ tích cực trong giảng dạy, người học sẽ có xu hướng hình thành cảm nhận tích cực về môn học, từ đó tăng cường ĐCHT. Ngoài ra, sự nhiệt tình của GV còn góp phần nâng cao mức độ tham gia của người học vào các hoạt động trên lớp, tăng sự tập trung, đồng thời tác động tích cực đến nhận thức và hành vi học tập của họ. Như vậy, ĐCHT của người học có thể được thúc đẩy thông qua thái độ tích cực của GV, được thể hiện ở niềm yêu thích đối với môn học, sự nhiệt tình trong giảng dạy và nguồn năng lượng tích cực mà GV lan tỏa trong các giờ học.

2.3.6. Nâng cao niềm tin vào năng lực giảng dạy của bản thân

Niềm tin của GV vào năng lực giảng dạy của bản thân có thể góp phần nâng cao ĐCHT và khơi dậy hứng thú học tập ở người học, đặc biệt là những người còn thiếu ĐCHT. Schiefele và Schaffner (2015) cho rằng khi GV tin tưởng vào khả năng vận dụng các chiến lược giảng dạy hiệu quả, quản lý lớp học tốt và khuyến khích người học tham gia tích cực vào quá trình học tập thì họ có thể tạo động lực để người học học tập nghiêm túc và tích cực hơn. Để thực hiện điều này, GV cần lựa chọn và tổ chức các phương pháp cũng như hoạt động học tập phù hợp, chẳng hạn như đưa ra hướng dẫn rõ ràng, giải thích đầy đủ và dễ hiểu, tạo ra các tình huống khuyến khích người học đặt câu hỏi, tăng cường hoạt động học tập theo nhóm và thúc đẩy sự tham gia tích cực của người học. Những biện pháp này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả học tập mà còn giúp người học duy trì sự tập trung, hứng thú và ĐCHT.

2.4. Một số khuyến nghị dành cho giáo viên

2.4.1. Nâng cao nhận thức và niềm tin vào vai trò của bản thân

Động cơ học tập là một trong những yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả của quá trình dạy và học. Vì vậy, GV cần nhận thức rõ vai trò của ĐCHT cũng như vai trò của bản thân trong việc thúc đẩy và duy trì động cơ của người học. Nhận thức đúng về vai trò này giúp GV chủ động hơn trong việc lựa chọn cách thức tổ chức dạy học và tạo ra những điều kiện thuận lợi cho người học.

Giáo viên cần xây dựng niềm tin vào năng lực giảng dạy của bản thân ngay cả khi người học chưa có ĐCHT, GV vẫn có thể tạo ra những thay đổi tích cực thông qua việc lựa chọn chiến lược giảng dạy và tổ chức các hoạt động học tập phù hợp. Sự tự tin của GV cũng góp phần duy trì sự kiên trì và chủ động trong quá trình hỗ trợ người học.

2.4.2. Phát triển năng lực chuyên môn và thái độ nghề nghiệp

Giáo viên nên thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn, cập nhật kiến thức, không ngừng đổi mới sáng tạo và vận dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và xu hướng phát triển của giáo dục.

Bên cạnh năng lực chuyên môn, GV cần duy trì thái độ tích cực và tinh thần nhiệt huyết trong mỗi giờ học. Bởi nguồn năng lượng tích cực của GV có thể lan tỏa đến người học và góp phần tạo nên môi trường học tập hứng thú, tích cực. Sự kết hợp giữa năng lực chuyên môn và thái độ nghề nghiệp tích cực sẽ góp phần duy trì hứng thú và tạo ĐCHT của người học.

2.4.3. Thiết kế và tổ chức các hoạt động học tập nhằm nâng cao động cơ học tập

Trước mỗi khóa học, bài học hoặc hoạt động học tập, GV cần giúp người học nhận thức rõ mục tiêu, ý nghĩa và tính ứng dụng của nội dung học tập đối với việc học, công việc và cuộc sống, từ đó nâng cao ĐCHT.

Giáo viên nên đa dạng hóa các hoạt động học tập và hạn chế lặp lại cùng một hình thức trong nhiều buổi học. Sự đa dạng trong phương pháp và hoạt động sẽ tạo cảm giác mới mẻ, duy trì hứng thú và tăng cường sự tham gia của người học.

Để phát huy tính tự chủ trong học tập, GV cần tạo cơ hội cho người học được lựa chọn nội dung, cách thức thực hiện nhiệm vụ hoặc phương án giải quyết vấn đề, đồng thời tôn trọng và khuyến khích các ý tưởng đa dạng của người học.

Để giảm áp lực và tạo hứng thú trong học tập, GV có thể chuyển một số nhiệm vụ học tập thành các trò chơi hoặc hoạt động thi đua phù hợp. Những hoạt động này góp phần tạo không khí học tập tích cực và tăng cường sự tham gia của người học.

2.4.4. Tăng cường phản hồi và hỗ trợ người học.

Phản hồi tích cực và sự ghi nhận những nỗ lực của GV đối với người học luôn là nguồn động viên quan trọng. Những góp ý hoặc phê bình của GV cần được thực hiện theo hướng mang tính xây dựng, chỉ rõ nguyên nhân và hướng khắc phục để hỗ trợ người học tiến bộ. GV không nên chỉ tập trung vào những lỗi sai mà cần ghi nhận cả những tiến bộ, sự cố gắng và những điểm mạnh của người học. Những phản hồi cụ thể, kịp thời và phù hợp với từng cá nhân sẽ giúp người học nhận thức rõ hơn về năng lực của bản thân, xác định những điểm cần cải thiện và có định hướng rõ ràng cho quá trình học tập tiếp theo. Ngoài ra, GV cần tạo cho người học cảm giác được lắng nghe và sẵn sàng hỗ trợ khi họ gặp khó khăn trong học tập. Việc đặt câu hỏi, lắng nghe ý kiến và quan tâm đến những khó khăn của người học không chỉ giúp GV hiểu rõ hơn nhu cầu của họ mà còn tạo cho người học cảm giác an toàn và được tôn trọng trong lớp học. Bên cạnh kiến thức chuyên môn và phương pháp giảng dạy, sự chân thành, thấu hiểu, hài hước và đáng tin cậy của GV cũng là những yếu tố quan trọng giúp xây dựng mối quan hệ tích cực với người học, từ đó thúc đẩy ĐCHT của họ.

2.4.5. Xây dựng môi trường học tập tích cực

Một môi trường học tập tích cực trước hết là môi trường học tập an toàn. GV cần khuyến khích động viên người học đặt câu hỏi, đưa ra ý kiến và thử nghiệm những cách làm mới mà không sợ việc mắc lỗi hoặc bị đánh giá. Một môi trường không phán xét sẽ giúp giảm áp lực, tăng sự tự tin và khuyến khích người học tham gia tích cực hơn vào các hoạt động học tập.

Trạng thái tâm lý và cảm xúc của GV cũng có ảnh hưởng trực tiếp đến bầu không khí lớp học và tâm lý của người học. Một GV tích cực, nhiệt tình và giàu năng lượng sẽ góp phần tạo nên môi trường học tập thân thiện, từ đó nâng cao hiệu quả học tập. Bên cạnh đó, GV nên khuyến khích sự hợp tác,

tôn trọng và hỗ trợ lẫn nhau giữa những người học thông qua các hoạt động cặp đôi, nhóm hoặc thảo luận. Khi người học cảm nhận được sự kết nối và hỗ trợ từ GV và bạn học, họ sẽ có xu hướng tham gia tích cực hơn, duy trì hứng thú và hình thành thái độ tích cực đối với việc học.

3. Kết luận

Động cơ học tập là một trong những yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả của quá trình dạy và học. Mặc dù chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau, GV vẫn giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc khơi dậy, duy trì và phát triển ĐCHT của người học thông qua xây dựng môi trường học tập tích cực, lựa chọn nội dung và hoạt động học tập phù hợp, tạo cơ hội để người học phát huy tính tự chủ, xây dựng mối quan hệ tích cực, cung cấp phản hồi mang tính xây dựng và thể hiện sự nhiệt tình trong giảng dạy. Hơn nữa, niềm tin của GV vào năng lực giảng dạy của bản thân cũng góp phần nâng cao sự tham gia, hứng thú và kết quả học tập của người học. Thông qua tổng quan các quan điểm lý thuyết về ĐCHT và vai trò của GV trong việc thúc đẩy ĐCHT của người học, bài báo góp phần làm rõ tầm quan trọng của GV trong quá trình dạy học. Trên cơ sở đó, tác giả hy vọng bài báo sẽ giúp GV có cái nhìn toàn diện hơn về ĐCHT, từ đó lựa chọn và vận dụng các chiến lược giảng dạy phù hợp nhằm tạo dựng môi trường học tập tích cực, khơi dậy hứng thú và nâng cao hiệu quả học tập của người học.

Tài liệu tham khảo

- Alexenoamen, (2009, August 4). *Ways of motivating EFL/ESL students in the classroom* [Web blog post]. Retrieved from <http://www.teachingenglish.org.uk/blogs/alexenoamen/waysmotivating-efl-esl-students-classroom>.
- Brown, H. D. (2007). *Principles of Language Learning and Teaching*. (5th ed.), New York: Pearson Education, pp. 115.
- Ferlazzo, L. (2018). *Don't just teach the curriculum - teach the students*. Education week.
- Gardner, R. C., & Lambert, W. E. (1972). *Attitudes and motivation in second-language learning*. Rowley, Massachusetts: Newbury House Publishers.
- Mierson, S., & Freiert, K. (2004). *Fundamental: Problem-based learning*. ASTD. Accessed April 15th, 2008 from http://www.astd.org/NR/rdonlyres/4067BCF6-BABC-483F-A09ADAC4C430210/0/Oct2004_depart_fundamentals_astdmembers.pdf.
- Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2000). *Intrinsic and extrinsic motivations: Classic definitions and new directions*. Contemporary Educational Psychology, No 25, pp. 54-67.
- Schiefele, U., & Schaffner, E. (2015). *Teacher interests, mastery goals, and self-efficacy as predictors of instructional practices and student motivation*. ScienceDirect, pp. 42, 159-171.
- Schuitema, J., Peetsma, T., & van der Veen, I. (2016). *Longitudinal relations between perceived autonomy and social support from teachers, and students' self-regulated learning and achievement*. Learning and Individual Differences, 49, 32-45. doi: 10.1016/j.lindif.2016.05.006.
- Theobald, M. A. (2006). *Increasing student motivation: Strategies for middle and high school teachers*. Thousand Oaks, CA: Corwin Press.
- Thoonen, E. E.J., Slegers, P. J.C., Peetsma, T.T.D., & Oort, F. J. (2011). *Can teachers motivate students to learn?* Educational Studies, 37(3), 345-360. doi:10.1080/03055698.2010.507008.
- Zhang, C. (2024). *Artificial intelligence and the changing role of teachers: The path from knowledge transmitter to learning designer*. Proceedings of the 2024 International Conference on Financial Management, Humanities and Social Sciences (ICFMHSS 2024). <https://doi.org/10.25236/icfmhss.2024.006>.
- Zhang, Q. (2014, February 14). *Assessing the effects of the instructor enthusiasm on classroom engagement, learning goal orientation, and academic self-efficacy*. Communication Teacher, 28(1), 44-56. doi:10.1080/17404622.2013.839047.